THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 754/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2146/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành Công Thương gắn liền với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, năng lực

cạnh tranh, đáp ứng các đòi hỏi và yêu cầu của thị trường, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại và bền vững, giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra trong Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương; tận dụng và đón đầu các cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Ứng dụng khoa học và công nghệ đặt trọng tâm vào việc đẩy mạnh chuyển giao công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến trên thế giới vào trong các ngành, lĩnh vực trên cơ sở phát huy, nâng cao tiềm lực, phát triển nguồn nhân lực khoa học, đồng thời thúc đẩy thị trường công nghệ và thị trường hàng hóa sản xuất của ngành;

- Nhà nước khuyến khích sự tham gia và đóng góp của mọi thành phần trong xã hội nhằm đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong ngành Công Thương, trong đó, vai trò trọng tâm và động lực của hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ là doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành Công Thương nhằm thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại sản xuất của ngành theo Đề án tái cơ cấu ngành, đảm bảo chất lượng tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh của ngành và doanh nghiệp trên thị trường; đón đầu cơ hội phát triển đột phá từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn đến năm 2025

- Cung cấp đầy đủ luận cứ khoa học, thực tiễn phục vụ việc xây dựng, điều chỉnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy tái cơ cấu lĩnh vực công nghiệp, thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế, tái cấu trúc không gian công nghiệp, thương mại theo hướng hiệu quả và bền vững; khai thác có hiệu quả các quy định về thương mại, đầu tư nhằm hỗ trợ phát triển ngành và thúc đẩy trao đổi thông tin, chuyển giao công nghệ;

- Huy động có hiệu quả các nguồn lực về khoa học, công nghệ để nâng tỷ lệ đổi mới công nghệ, thiết bị, duy trì tốc độ tăng trung bình 20%/năm; tăng năng suất lao động và tỷ lệ đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) của các ngành công nghiệp trong tốc độ tăng sản phẩm trong nước đạt ít nhất 40%; 60 - 70%

cơ sở sản xuất đang hoạt động trong các ngành công nghiệp hoàn thành việc xây dựng, thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch, hiệu quả;

- Nâng tỷ lệ ứng dụng các công nghệ cao, công nghệ hiện đại trong các ngành sản xuất, giá trị sản xuất công nghiệp công nghệ cao đạt từ 40% - 45% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp, tạo ra các dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao; đáp ứng khoảng 45% - 50% nhu cầu sản phẩm công nghiệp công nghệ cao thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng trong nước, đồng thời đạt giá trị xuất khẩu đạt khoảng 25% - 30% giá trị sản lượng; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp; xây dựng thí điểm từ 3 - 5 mô hình chuyển giao công nghệ, áp dụng các sáng chế mới, giải pháp cải tiến công nghệ, thiết bị, quy trình đặc thù cho từng ngành sản xuất công nghiệp;

- Phát triển đồng bộ và từng bước hiện đại hóa thị trường, hệ thống phân phối nội địa; xây dựng các mô hình thí điểm, cung cấp các giải pháp chính sách và kỹ thuật thúc đẩy thương mại điện tử và các mô hình phân phối, kinh doanh hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

b) Tầm nhìn đến năm 2030

Triển khai đồng bộ các cơ chế chính sách, giải pháp quản lý, biện pháp kỹ thuật nhằm thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ trong các ngành sản xuất công nghiệp, lĩnh vực thương mại và hội nhập; gia tăng đáng kể đóng góp của khoa học công nghệ trong tăng trưởng của ngành; tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu ngành Công Thương theo hướng bền vững.

III. NHIỆM VỤ CHÍNH

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tái cơ cấu ngành Công Thương

- Đánh giá hiệu quả, hiệu lực thực thi chính sách phát triển công nghiệp, thương mại, hội nhập hiện có; đề xuất các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách, định hướng, giải pháp phát triển ngành, lĩnh vực, phân bố không gian công nghiệp, thương mại, kết cấu hạ tầng thương mại, logistics theo yêu cầu của tái cơ cấu ngành công nghiệp, thương mại và tác động từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích nhập khẩu, chuyển giao công nghệ hiện đại của nước ngoài vào áp dụng tại các doanh nghiệp trong nước;

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các ngành công nghiệp chủ lực để tạo ra sản phẩm mới có tính đột phá cao, có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học và công nghệ cao, giảm dần phụ thuộc vào việc nhập khẩu từ bên ngoài;

- Thúc đẩy việc hình thành và phát triển các cụm liên kết ngành sản xuất công nghiệp, các tổ hợp sản xuất quy mô lớn;

- Nghiên cứu xây dựng mô hình các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp hoặc tích hợp với các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp trong các đề án khác về công nghiệp hỗ trợ, đổi mới công nghệ trong các hoạt động đánh giá, chế tạo, thử nghiệm, hoàn thiện và làm chủ công nghệ phục vụ phát triển các sản phẩm, trong đó ưu tiên các sản phẩm quốc gia, sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục ưu tiên phát triển;

- Rà soát, xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa; hài hòa hóa tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu và tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu;

- Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật đối với các công nghệ được đầu tư, sử dụng trong nước, công nghệ nhập khẩu theo hướng công nghệ sạch; xây dựng lộ trình và triển khai việc loại bỏ các công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên, nhiên vật liệu và gây ô nhiễm môi trường.

2. Trọng tâm ưu tiên ứng dụng khoa học và công nghệ trong tái cơ cấu ngành Công Thương

a) Ứng dụng khoa học và công nghệ trong tái cơ cấu ngành/lĩnh vực

- Lĩnh vực công nghiệp

+ Xây dựng bản đồ công nghệ và lộ trình đổi mới công nghệ trong các ngành sản xuất công nghiệp; xác định các công nghệ, sản phẩm được ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng, đầu tư, phát triển phục vụ tái cơ cấu ngành Công Thương;

+ Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh cho các ngành sản xuất công nghiệp; nghiên cứu phát triển và tích hợp công nghệ tự động hóa, công nghệ số và

các công nghệ tiên tiến để phát triển các mô hình sản xuất, quản trị doanh nghiệp thông minh, hiện đại;

+ Tập trung triển khai các dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ, dự án đầu tư phục vụ sản xuất các sản phẩm xuất khẩu và tiêu dùng trong nước mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng cao;

+ Ứng dụng khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, các ngành sản xuất và dịch vụ mới đón đầu xu hướng phát triển trên thế giới và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

- Lĩnh vực thương mại:

+ Đối với hoạt động xuất, nhập khẩu:

. Xây dựng và tổ chức hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về thị trường xuất nhập khẩu và thông tin khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ của Việt Nam;

. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các quy định, tiêu chuẩn của các nhà nhập khẩu, nhà phân phối tại thị trường nhập khẩu và các nhà phân phối quốc tế tại Việt Nam;

. Xây dựng các biện pháp kỹ thuật kiểm soát và hạn chế nhập khẩu phù hợp với các cam kết trong các FTA mà Việt Nam tham gia như TBT, SPS .v.v… đối với các sản phẩm có chất lượng thấp, có khả năng gây mất an toàn đối với sức khỏe, môi trường.

+ Đối với thị trường trong nước và hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại:

. Ứng dụng khoa học và công nghệ và các giải pháp kỹ thuật nhằm đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại; phát triển thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh, phân phối hiện đại theo xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

. Xây dựng và phát triển các mô hình chuỗi cung ứng bền vững với từng nhóm sản phẩm; thí điểm và từng bước nhân rộng mô hình kết nối giữa nhà sản xuất với thị trường tiêu thụ phù hợp với từng nhóm sản phẩm/ngành hàng, hạn chế các khâu trung gian, nâng cao hiệu quả của chuỗi và ổn định thị trường;

. Nghiên cứu, xây dựng quy định, tiêu chuẩn và hệ thống các loại nhãn, chứng chỉ tự nguyện phục vụ quản lý chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường; nghiên cứu các giải pháp quản lý và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

- Lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế:

+ Đề xuất nội dung, phương án đàm phán với các đối tác hiện có và đối tác mới về thúc đẩy chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ thương hiệu các nội dung hợp tác kỹ thuật về ứng dụng, chuyển giao công nghệ; xây dựng phương án và đề xuất nội dung cam kết về thuế, mở cửa thị trường đối với mặt hàng có giá trị gia tăng, hàm lượng chế biến cao, các sản phẩm mới từ quá trình tái cơ cấu;

+ Đề xuất các chính sách và giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả các cam kết các FTA và khung khổ hợp tác mà Việt Nam tham gia; các biện pháp chủ động phòng ngừa, giải quyết tốt các tranh chấp thương mại quốc tế và cảnh báo sớm các vi phạm cam kết quốc tế ở Việt Nam và ở nước ngoài; kiểm soát các vấn đề thương mại xuyên biên giới.

b) Ứng dụng khoa học và công nghệ trong tái cơ cấu doanh nghiệp

- Hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường năng lực nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ; liên kết với các tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học trong nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ;

- Hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị; ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong hoạt động sản xuất; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng hiện đại, công cụ cải tiến năng suất tiên tiến, quản trị doanh nghiệp thông minh đón đầu các xu hướng của cách mạng công nghiệp lần thứ 4; cung cấp thông tin, dịch vụ đào tạo, tư vấn về chuyển giao công nghệ;

- Hỗ trợ tìm kiếm, mua công nghệ nguồn trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên để nghiên cứu, giải mã, làm chủ, cải tiến và tiến tới sáng tạo công nghệ mới.

IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới cơ chế quản lý và tổ chức triển khai

- Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý khoa học và công nghệ của ngành nhằm đảm bảo việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ công khai minh bạch, tránh áp lực về thời gian; gắn kết các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với nhiệm vụ, chương trình ưu tiên thực hiện Đề án;

- Khuyến khích doanh nghiệp đề xuất đặt hàng, tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp các đề tài, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học từ các đề tài khoa học trong và ngoài nước thông qua chuyển giao công nghệ;

- Tổ chức đánh giá độc lập các đơn vị khoa học và công nghệ về hiệu quả đầu tư và triển khai các nhiệm vụ được giao; mức độ ứng dụng và công bố của các sản phẩm khoa học, công nghệ (quy trình công nghệ đã được công nhận, quy mô áp dụng; bài báo khoa học trên tạp chí uy tín quốc tế...);

- Tăng cường đánh giá, thẩm định công nghệ trong các dự án đầu tư nhằm hạn chế các công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, nguyên liệu giá trị gia tăng thấp và có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

2. Đổi mới phương thức đầu tư và cơ chế tài chính

- Triển khai áp dụng cơ chế hợp tác công tư (PPP), cơ chế đầu tư đặc thù đối với các nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ quy mô lớn; hoàn thiện các nghiên cứu và đề xuất chính sách thúc đẩy hợp tác công tư, liên kết tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ;

- Áp dụng cơ chế hỗ trợ về tín dụng cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động ứng dụng và đổi mới công nghệ;

- Huy động nguồn vốn xã hội, vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển hạ tầng kỹ thuật khoa học và công nghệ, các công nghệ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học và công nghệ cao, có khả năng dẫn dắt chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong các ngành, địa phương;

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, thực hiện đổi mới sáng tạo: Xây dựng cơ chế gắn kết giữa nguồn ngân sách nhà nước cho nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm với kinh phí đóng góp từ phía doanh nghiệp, nhà đầu tư để sản xuất, thương mại hóa các sản phẩm công nghiệp.

3. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ

a) Nguồn nhân lực về khoa học và công nghệ

- Triển khai các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trong các đơn vị quản lý, các tổ chức khoa

học và công nghệ, các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành Công Thương;

- Tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực phục vụ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ đặt ra, phù hợp với định hướng phát triển của ngành;

- Phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo và trọng dụng các nhà khoa học có tâm huyết, sức sáng tạo, các nhà khoa học tài năng trẻ; phát triển và phát huy đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ là giảng viên, nghiên cứu sinh của các trường đại học; xây dựng các nhóm nghiên cứu và phát triển công nghệ mạnh trong doanh nghiệp của từng lĩnh vực;

- Thực hiện hợp tác quốc tế, trao đổi trực tiếp và gián tiếp qua các tổ chức, hội, hiệp hội và các diễn đàn trong phát triển nguồn nhân lực; thu hút các chuyên gia là người Việt Nam tại nước ngoài, người nước ngoài làm việc tại các tổ chức khoa học và công nghệ trong ngành, làm nòng cốt thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ.

b) Tổ chức khoa học và công nghệ

- Củng cố, sắp xếp lại và phát triển các tổ chức khoa học và công nghệ công lập của ngành theo hướng mỗi ngành, mỗi lĩnh vực có những cơ sở trọng điểm đủ sức giải quyết những nhiệm vụ khoa học và công nghệ lớn của ngành;

- Nâng cao năng lực của các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ; hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo thuộc các Viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp trong ngành;

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển; thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ có năng lực đủ mạnh để thực hiện vai trò nòng cốt, truyền dẫn công nghệ, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

c) Hạ tầng khoa học và công nghệ

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành, các trung tâm nghiên cứu phát triển của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các trung tâm công nghiệp hỗ trợ phù hợp với định hướng phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia và đáp ứng yêu cầu hoạt động khoa học và công nghệ của ngành Công Thương;

- Đầu tư phát triển hạ tầng thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, cổng thông tin điện tử về khoa học và công nghệ của ngành Công Thương theo hướng hiện đại, kết nối với các hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và các bộ ngành, hệ thống thông tin của các thương vụ và văn phòng khoa học công nghệ của Việt Nam ở nước ngoài nhằm đẩy mạnh trao đổi, chia sẻ thông tin, kết nối cung - cầu, hỗ trợ hoạt động chuyển giao, đổi mới công nghệ.

d) Phát triển mô hình liên kết trong nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao và thương mại hóa trong hoạt động khoa học và công nghệ

- Xây dựng và phát triển mô hình liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học trong và ngoài nước với doanh nghiệp nhằm gắn kết giữa nhu cầu của thị trường công nghệ và mức độ đáp ứng trong nghiên cứu và chuyển giao;

- Xây dựng và phát triển mô hình chuyển giao công nghệ nhằm hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu của các đơn vị trong ngành.

4. Đẩy mạnh các giải pháp về thông tin, truyền thông

- Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức về nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành Công Thương;

- Phổ biến rộng rãi các kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; nhân rộng các mô hình, điển hình thực hiện tốt nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Xây dựng chương trình nghiên cứu, hợp tác song phương, đa phương với các tổ chức quốc tế có năng lực và kinh nghiệm trong nghiên cứu, chuyển giao các công nghệ phù hợp với yêu cầu của quá trình tái cơ cấu ngành Công Thương, ưu tiên hợp tác chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trên thế giới; phối hợp đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ khoa học trong nước;

- Xây dựng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sự tham gia nghiên cứu của chuyên gia quốc tế từ các tổ chức khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới để nâng cao hàm lượng khoa học cho các đề tài dự án với mục tiêu ứng dụng cụ thể; đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao như

công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ kỹ thuật số phục vụ tái cơ cấu ngành;

- Hệ thống hóa cơ sở dữ liệu, thông tin về các tổ chức khoa học và công nghệ quốc tế có uy tín để xây dựng kế hoạch tổng thể về hợp tác trong nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ cho phát triển công nghiệp, thương mại.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước (nguồn sự nghiệp khoa học, nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, nguồn vốn đầu tư và các nguồn vốn khác) theo quy định của Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công, pháp luật liên quan và vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác (vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay của các tổ chức tín dụng, tài trợ quốc tế).

VI. TỔ CHỨC VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Bộ Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tổ chức triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Đề án; tiến hành rà soát, đánh giá kết quả và tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong triển khai các Chiến lược, Quy hoạch, định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực của ngành Công Thương. Lồng ghép các nhiệm vụ của Đề án trong triển khai các Chương trình, Đề án có liên quan: Đề án đổi mới và hiện đại hóa công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2025; Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025; Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ; Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao đến năm 2020; Chương trình khoa học và công nghệ về phát triển công nghiệp hóa dược đến năm 2020; Dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa ngành công nghiệp; Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử;

- Xây dựng và phê duyệt các nhiệm vụ cho từng đơn vị liên quan với các nội dung và kế hoạch cụ thể bao gồm cả chi phí để thực hiện;

- Chủ trì tổ chức xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ thực hiện Đề án với các nội dung trọng tâm được phê duyệt tại Quyết định này;

- Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Đề án và tổng hợp chung trong dự toán của Bộ Công Thương, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét bố trí dự toán, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách;

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ triển khai các nhiệm vụ của Đề án;

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án;

- Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình triển khai thực hiện Đề án; chủ động nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Bộ Công Thương triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý;

- Phối hợp chia sẻ thông tin về khoa học và công nghệ, hỗ trợ hình thành và phát triển mạng lưới doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong ngành Công Thương.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ưu tiên cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư để triển khai các nhiệm vụ về tăng cường tiềm lực của các tổ chức khoa học và công nghệ và phát triển hạ tầng thông tin và thống kê về khoa học công nghệ.

4. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí các nguồn ngân sách của Nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương ban hành quy định về quản lý tài chính để thực hiện Đề án.

5. Các bộ, ngành có liên quan

Phối hợp với Bộ Công Thương triển khai các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ phân công để thực hiện Đề án.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trịnh Đình Dũng

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG QUÁ TRÌNH TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030"

(Kèm theo Quyết định số 754/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Hợp phần 1: Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ	
Mục tiêu	1. Các doanh nghiệp sản xuất trong ngành Công Thương thực hiện đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới. 2. Các doanh nghiệp sản xuất ngành Công Thương tăng khả năng cạnh tranh, tham gia chuỗi sản xuất trong nước và chuỗi cung ứng toàn cầu. 3. Nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý sản xuất, quản trị doanh nghiệp trong hoạt động của các doanh nghiệp ngành Công Thương.
Nội dung	1. Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế chính sách đẩy mạnh doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành Công Thương. 2. Điều tra, khảo sát và đánh giá trình độ công nghệ để xây dựng, kết nối và đồng bộ cơ sở dữ liệu doanh nghiệp ngành Công Thương với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành khác. 3. Cung cấp thông tin, dịch vụ tư vấn, đào tạo tập huấn cho các doanh nghiệp để nâng cao khả năng cạnh tranh, tham gia chuỗi cung ứng trong nước và chuỗi giá trị toàn cầu. 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng, dây chuyền thiết bị và chuyển giao công nghệ để đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới. 5. Áp dụng và phổ biến các mô hình và công cụ tiên tiến trong hoạt động quản lý, quản trị của các doanh nghiệp. 6. Tuyên truyền, quảng bá các kết quả ứng dụng khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp.

Tổ chức thực hiện	Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, các Hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp và các bộ ngành, tổ chức Khoa học công nghệ có liên quan
2. Hợp phần 2: Phát triển hợp tác giữa doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ, cơ sở đào tạo để thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất	
Mục tiêu	1. Xây dựng và phát triển mô hình điểm về hợp tác giữa các doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và cơ sở đào tạo. 2. Huy động hiệu quả nguồn vốn theo cơ chế quỹ khoa học công nghệ để đầu tư ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu của các doanh nghiệp. 3. Các Viện nghiên cứu ngành Công Thương được kiện toàn cơ cấu tổ chức và mô hình là đơn vị sự nghiệp hoạt động theo cơ chế tự chủ hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
Nội dung	1. Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế chính sách về hoạt động của quỹ khoa học công nghệ và mô hình hợp tác phát triển giữa các doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và cơ sở đào tạo ngành Công Thương. 2. Đầu tư xây dựng và phát triển trung tâm nghiên cứu trong các cơ sở đào tạo, phòng thí nghiệm trọng điểm trong các Viện Nghiên cứu của ngành Công Thương. 3. Triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ trên cơ sở mô hình điểm về hợp tác giữa các doanh nghiệp, tổ chức khoa học công nghệ và cơ sở đào tạo. 4. Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ huy động nguồn vốn từ quỹ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. 5. Hỗ trợ hoạt động thu hút chất xám chuyên gia quốc tế, ươm tạo công nghệ, sáng tạo và khởi nghiệp gắn kết trực tiếp với các hoạt động của doanh nghiệp ngành Công Thương trong quá trình tái cơ cấu.
Tổ chức thực hiện	Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, các Hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp và các bộ ngành, tổ chức Khoa học công nghệ có liên quan.

3. Hợp phần 3: Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển và hiện đại hóa thị trường nội địa	
Mục tiêu	1. Hoàn thiện hệ thống pháp lý trong quản lý, điều hành, phát triển thị trường nội địa; các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối theo hướng hiện đại và hiệu quả. 2. Hình thành và phát triển các phương thức kinh doanh thương mại, phân phối sản phẩm mới, hiện đại, phù hợp với xu hướng thế giới, của CMCN4.0; Hiện đại hóa hệ thống logistic phục vụ hoạt động thương mại trong nước. 3. Nâng cao vai trò và hiệu quả liên kết giữa các nhà phân phối với nhà sản xuất và thị trường tiêu thụ, phát triển hệ thống phân phối trong nước theo mô hình chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị ngành hàng. 4. Hoàn thiện quản lý hỗ trợ hoạt động quản lý và kiểm soát thị trường một cách hiệu quả; hiện đại hóa công tác nghiên cứu, phân tích thị trường.
Nội dung	1. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thị trường nội địa và hệ thống phân phối theo hướng hiện đại và hiệu quả; nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về kinh tế - kỹ thuật bảo vệ và phát triển thị trường nội địa. 2. Phát triển và mở rộng áp dụng các mô hình, phương thức kinh doanh thương mại, phân phối sản phẩm dịch vụ hiện đại; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh thương mại của doanh nghiệp, hệ thống phân phối trong nước. 3. Phát triển dịch vụ logistics đồng bộ và hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững thương mại trong nước. 4. Nghiên cứu phát triển và mở rộng áp dụng các mô hình liên kết giữa các nhà phân phối với nhà sản xuất và thị trường tiêu thụ một số hàng hóa sản xuất trong nước; nghiên cứu và phát triển các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị bền vững cho một số nhóm mặt hàng chính. 5. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường; ứng dụng các công cụ nghiên cứu, phân tích, dự báo thị trường hỗ trợ quản lý nhà nước và hoạt động của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, phân phối.
Tổ chức thực hiện	Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, các Hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp và các bộ ngành, tổ chức Khoa học công nghệ có liên quan.

4. Hợp phần 4: Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển xuất nhập khẩu	
Mục tiêu	1. Xây dựng, hoàn thiện các định hướng về hội nhập kinh tế quốc tế và chính sách xuất nhập khẩu phù hợp với bối cảnh mới; cung cấp luận cứ khoa học và thực hiễn cho việc tham gia, ký kết và triển khai các Hiệp định thương mại của Việt Nam trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế. 2. Phát triển bền vững xuất khẩu hàng hóa, phát triển xuất khẩu các mặt hàng mới và có giá trị gia tăng cao trong bối cảnh CMCN 4.0. Điều chỉnh chiến lược phát triển thị trường và hàng hóa xuất nhập khẩu nhằm khai thác tốt cơ hội, hạn chế thách thức, nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu. 3. Phát triển các trung tâm logistics tại một số cửa khẩu biên giới đường bộ cho phát triển thương mại với các nước có chung đường biên giới đất liền. 4. Tạo thuận lợi hóa thương mại, nâng cao năng lực và hiệu quả công tác thông tin, dự báo thị trường, xúc tiến thương mại và chủ động vượt qua các rào cản thương mại quốc tế.
Nội dung	1. Nghiên cứu, dự báo tình hình kinh tế và thương mại thế giới, cơ hội và thách thức đặt ra trong quá trình đàm phán ký kết và triển khai các FTA thế hệ mới để xây dựng và điều chỉnh các nội dung, phương án tiếp tục thực hiện có hiệu quả. 2. Nghiên cứu các lợi thế so sánh của Việt Nam với các nước trong xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, lựa chọn định hướng và giải pháp chiến lược cho phát triển xuất khẩu mặt hàng mới và có giá trị gia tăng cao trong bối cảnh CMCN 4.0. 3. Nghiên cứu, xác định các định hướng chiến lược và giải pháp phát triển mặt hàng và thị trường phù hợp với sự điều chỉnh chiến lược tham gia các FTA. 4. Xây dựng mô hình và phát triển trung tâm logistics tại một số cửa khẩu biên giới đường bộ cho phát triển thương mại với các nước có chung đường biên giới đất liền. 5. Xây dựng hệ thống thông tin mặt hàng và thị trường (các quy định về tiêu chuẩn sản phẩm, yêu cầu quản lý) nhằm hỗ trợ và tạo thuận lợi

	hóa các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam; nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống cảnh báo sớm các vi phạm cam kết quốc tế ở Việt Nam và ở nước ngoài. 6. Tiếp tục triển khai Đề án về hàng rào kỹ thuật trong thương mại; rà soát điều chỉnh hệ thống chính sách, công cụ và hàng rào kỹ thuật nhằm kiểm soát nhập khẩu đối với nhóm hàng hóa cần kiểm soát và quản lý tốt nhập khẩu phù hợp với thông lệ quốc tế.
Tổ chức thực hiện	Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, các Hiệp hội ngành nghề, doanh nghiệp và các bộ ngành, tổ chức Khoa học công nghệ có liên quan.